| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐÔNG ANH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 44/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 21 - 8 - 2019.
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Hoàng Thị Hòa.

Ông Dương Xuân Đính.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hường – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST– HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST – HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Vương Văn D, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn SD, xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn SD, xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Văn D và chị Nguyễn Thị Kim T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/12/2003 tại Ủy ban nhân dân xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán

hai vợ chồng chung sống cùng gia đình anh D tại thôn SD, xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2009 thì nảy sinh mâu thuẫn nhưng đến khoảng năm 2013 thì mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng

Theo anh D trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhưng nguyên nhân chủ yếu là do về kinh tế gia đình. Anh D làm ăn thua lỗ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Nhiều lần vợ chồng anh chị xảy ra cãi nhau, có lần còn đánh nhau, anh D tát chị T và chị T cũng đánh lại anh, chính quyền địa phương can thiệp nhưng chỉ đến để hòa giải, không tiến hành lập biên bản. Anh D xác định không ngoại tình và không có con riêng như chị T trình bày với Tòa án. Nếu chị T có ý kiến là anh ngoại tình thì phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng thì anh chị sống ly thân và cắt đứt tình cảm sinh lý từ thời gian nào anh không nhớ nhưng vẫn ở chung cùng một nhà. Mâu thuẫn đã được gia đình hai bên biết và hòa giải nhưng không hòa giải được. Vào khoảng tháng 07/2018, chị T có nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với anh nhưng sau đó do được hòa giải nên chị T đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tháng 8/2018, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn nên anh D làm đơn khởi kiện ly hôn chị T. Tại phiên tòa, anh đã rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ vụ án. Nay, anh D xác định không còn tình cảm với chị T, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn chị T để được ổn định cuộc sống riêng.

Theo chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Quá trình chung sống anh chị có bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên hai bên có xảy ra mâu thuẫn. Anh D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn chính là do kinh tế gia đình là không đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do anh D ngoại tình. Vào thời điểm tết năm 2013, chị gọi điện cho anh D về để cùng vui Tết với gia đình nhưng anh D nói còn phải chăm sóc người khác mổ, khi đó chị biết anh D đã ngoại tình với người khác và có con riêng. Sau này chị tìm hiểu được biết người phụ nữ anh D ngoại tình tên là Đinh Thị Q và có con riêng tên là K. Chị đã nói chuyện với gia đình hai bên về việc anh D ngoại tình và khi hai bên gia đình nói chuyện thì anh D chỉ thừa nhận với gia đình anh là anh ngoại tình và có con riêng. Còn đối với bên phía gia đình chị, anh D vẫn chối và không thừa nhận. Thậm chí, người có tên Q còn gọi điện cho chị nói " Anh D không còn tình cảm với chị nữa nên chị giải thoát cho anh D để anh D đến với em". Chị cũng khuyên nhủ với người đó nhưng chị Q không buông tha anh D. Chính vì mâu thuẫn như

vậy nên anh chị hay xảy ra cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Anh D đánh, cầm dao dọa, đuổi đánh chị. Tuy nhiên chị không bao giờ đánh lại anh D. Chị đã nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng họ chỉ tiến hành hòa giải chứ không lập biên bản. Chị không đồng ý ly hôn anh D vì anh D ngoại tình nên cố tình ruồng rẫy vợ con để đưa bồ và con riêng về nhà ở. Bản thân chị từ trước đến nay vẫn chăm lo cho gia đình và con cái, tha thứ cho chồng để vợ chồng đoàn tụ tiếp tục nuôi dạy con chung. Chị đã nói với anh D sẽ chấp nhận nuôi con riêng của anh D nhưng với điều kiện anh phải chấm dứt quan hệ với người ta nhưng anh D không nghe. Trong năm 2018, anh chị đã mỗi người một lần làm đơn đến Tòa án yêu cầu ly hôn nhưng đều rút đơn. Chị làm đơn xin ly hôn trước và rút đơn về thì vợ chồng vẫn bình thường nhưng anh D vẫn tiếp tục chơi bời, cờ bạc và tiêu tán kinh tế gia đình sau đó anh D lại nộp đơn xin ly hôn và rồi sau đó lại rút đơn. Nay anh D lại tiếp tục làm đơn xin ly hôn chị, chị không nhất trí, chị vẫn mong muốn anh D quay lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh chị thống nhất trình bày vợ chồng có ba con chung là: Vương Thị N, sinh ngày 17/3/2005; Vương Thiệu R, sinh ngày 20/5/2007; Vương Thế B, sinh ngày 30/4/2010. Hiện nay, các con vẫn đang ở cùng anh chị và khỏe mạnh, bình thường.

Anh D xác định: Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác. Hiện nay, anh đang làm lao động tự do thu nhập bình quân khoảng 13.000.000đồng/tháng..

Chị T xác định: Chị không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con. Nếu trường hợp anh chị ly hôn thì chị nhất trí với ý kiến của anh D là để anh D trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị vì nếu các cháu đi theo chị thì các cháu không có nơi ở ổn định do chị phải đi thuê nhà. Hiện nay, chị đang làm công nhân tại Công ty cổ phần LT ở thôn KN, xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội thu nhập bình quân khoảng 7.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung của vợ chồng:

Anh D xác định không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh thống nhất ý kiến của chị T về số tiền chị trả nợ hộ cho anh và số tiền chị đưa cho anh đi buôn bưởi vào dịp tết, tiền làm cửa. Anh sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền là: 27.000.000 đồng và trả thêm chị T 3.000.000 đồng để trả tiền nợ tiền làm cửa, cho tròn 30.000.000 đồng. Anh D sẽ thanh toán số tiền này cho chị T vào ngày Tòa án xét xử vụ án ly hôn giữa anh chị.

Chị T xác định: Về tài sản chung, chị  xác định anh chị tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng chị đề nghị anh D thanh toán cho chị số tiền chị trả nợ hộ anh 10.000.000 đồng tiền anh vay nhà bà X ở thôn SD và chi tiêu riêng; 13.000.000 đồng chị đưa cho anh hôm tết để đi kinh doanh bưởi nhưng anh không làm mà lại đi tiêu riêng, tiền làm cửa 4.000.000 đồng. Tổng cộng là 27.000.000 đồng và đề nghị trả luôn cho chị khi ly hôn nếu anh D muốn ly hôn. Anh D đề nghị đưa cho chị tổng cộng 30.000.000 đồng để chị có 3.000.000 đồng trả tiền nợ làm cửa, chị nhất trí.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn là anh Vương Văn D vẫn giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Anh D xác định: Anh chị mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nay và vợ chồng cũng đã từng làm đơn xin ly hôn rồi lại rút đơn để mong có thể cải thiện quan hệ vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không được khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Do vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Khi ly hôn, anh đề nghị để anh trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung của anh chị và không cần chị T phải cấp dưỡng nuôi con cho anh vì nếu ly hôn chị T còn phải lo ổn định chỗ ở. Về tài sản chung: Anh vẫn giữ quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh tự nguyện hỗ trợ cho chị T số tiền 30.000.000 đồng khi anh chị ly hôn để chị T ổn định cuộc sống của chị. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh chưa thu xếp được tiền nên anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện này của anh và anh sẽ thanh toán cho chị T khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký  là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vương Văn D xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T. Anh Vương Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con: Anh D, chị T có 03 con chung là: Vương Thị N, sinh ngày 17/3/2005; Vương Thiệu R, sinh ngày 20/5/2007; Vương Thế B, sinh ngày 30/4/2010. Ly hôn, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung của anh chị và tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết. Ghi nhận sự tự nguyện của anh D hỗ trợ chị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) khi ly hôn và anh D có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền này khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Anh D phải chịu án phí không giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa anh Vương Văn D và chị Nguyễn Thị Kim T: Anh chị tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Anh chị cùng thống nhất xác định vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh D xác định nguyên nhân mâu thuẫn chính của anh chị là do kinh tế, anh làm ăn thua lỗ ngoài ra không còn nguyên nhân khác, anh không ngoại tình như chị T trình bày. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn chính là do anh D ngoại tình và có con riêng ở bên ngoài. Tuy nhiên chị T không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc anh D ngoại tình và có con riêng. Anh chị đều thừa nhận trong năm 2018 anh chị đều mỗi người đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa án một lần và sau đó đều rút đơn. Từ khi rút đơn theo chị T, anh D vẫn chơi bời, không chăm lo cho gia đình còn bản thân anh D xác định tình cảm giữa anh chị không cải thiện, mâu thuẫn vẫn trầm trọng nên anh kiên quyết xin ly hôn. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị T kéo dài, đã được gia đình hai bên hòa giải, anh chị đã từng cho nhau cơ hội để đoàn tụ thể hiện bằng việc nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng sau đó lại xin rút đơn nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Vương Văn D với chị Nguyễn Thị Kim T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có ba con chung là: Vương Thị N, sinh ngày 17/3/2005; Vương Thiệu R, sinh ngày 20/5/2007; Vương Thế B, sinh ngày 30/4/2010. Các cháu khỏe mạnh, bình thường và hiện đang ở cùng anh chị. Ly hôn, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả ba con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng

nuôi con chung cho đến khi con chung thành niên hoặc có quyết định khác. Chị T đề nghị: nếu ly hôn chị để cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung của anh chị vì khi ly hôn chị phải đi thuê nhà nên chỗ ở không ổn định, không đủ điều kiện để chăm sóc các con và đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Cháu B thể hiện quan điểm muốn ở với bố, cháu R trình bày quan điểm không muốn bố mẹ ly hôn nên không ở cùng ai nếu bố mẹ ly hôn. Cháu N không đến Tòa án để cung cấp ý kiến về nguyện vọng của mình nhưng tại phiên tòa cháu đến tham dự và trình bày quan điểm: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu muốn được ở với bố. Do vậy, ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị khi ly hôn giao cả ba con chung của anh chị cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh, chị T đề nghị tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị T trình bày hoàn cảnh sau ly hôn chị phải đi thuê nhà, ổn định nơi ở và thu nhập của chị không cao nên chấp nhận tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho chị là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị cùng có ý kiến xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên trước khi Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải anh chị có đơn trình bày thống nhất với nhau về nội dung thanh toán cho nhau một số tiền phát sinh giữa anh chị trong quá trình chung sống và đề nghị Tòa án ghi nhận cho anh chị, cụ thể: Anh D có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 30.000.000 đồng bao gồm: số tiền chị trả nợ hộ anh 10.000.000 đồng tiền anh vay nhà bà X ở thôn SD và chi tiêu riêng; 13.000.000 đồng chị đưa cho anh hôm tết để đi kinh doanh bưởi nhưng anh không làm mà lại đi tiêu riêng, tiền làm cửa 4.000.000 đồng; tiền nợ làm cửa 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh D vẫn giữ nguyên quan điểm sẽ thanh toán cho chị T số tiền 30.000.000 đồng để hỗ trợ chị T ổn định cuộc sống theo yêu cầu của chị T, không cần phải tính toán các khoản cụ thể như anh chị đã trình bày tại Tòa án và anh có trách nhiệm thanh toán cho chị T số tiền 30.000.000 đồng khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, đề nghị của anh D là phù hợp quy định của pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, anh Vương Văn D là nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 88 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vương Văn D về việc xin ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T. Anh Vương Văn D được ly hôn chị Nguyễn Thị Kim T.

Về con chung: Anh Vương Văn D và chị Nguyễn Thị Kim T có ba con chung là: Vương Thị N, sinh ngày 17/3/2005; Vương Thiệu R, sinh ngày 20/5/2007; Vương Thế B, sinh ngày 30/4/2010. Ly hôn, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả ba con chung của anh chị và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T cho đến khi các con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản của vợ chồng: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh D thanh toán cho chị T số tiền 30.000.000 đồng, thời điểm thanh toán số tiền này là khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, anh Vương Văn D phải chịu để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008501 ngày 16/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm anh Vương Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã NK, huyện Đ, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số 116 ngày 09/12/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thanh**